

KẾ HOẠCH PHÂN ĐẦU ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ NĂM 2026
THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số 215/KH-UBND, ngày 23/07/2026 của UBND xã Thụy Hùng)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu		Kế hoạch năm 2026 (đạt/chưa đạt)	Đơn vị phụ trách
				Xã Thụy Hùng (nhóm 3)	Đánh giá hiện trạng (đạt/chưa đạt)		
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt[1], được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy	Đạt	Có quy hoạch chung xã được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch.	Đạt	Đạt	Phòng Kinh tế
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới.	Đạt	Không quy định.			
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã.	Đạt	Không quy định.			
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa.	Đạt	(1) Bảo đảm kết nối giao thông theo quy định; (2) Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt; (3) Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế; (4) Có $\geq 50\%$ km chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường (bao gồm cây trồng trong hành lang đường bộ, cây hiện hữu được bảo tồn hoặc cây xanh cảnh quan phù hợp điều kiện địa hình); (5) Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) đạt $\geq 80\%$; (6) Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm theo quy định.	Đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	Đạt	1. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; 2. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương.	Đạt		Phòng Kinh tế
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt	Đạt	Đạt		Phòng Kinh tế
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	$\geq 98\%$	$\geq 98\%$	Đạt		Phòng Kinh tế
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông	Đạt	Đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1. Có chợ đạt tiêu chí quy định. 2. Có một trong các loại hình cơ sở bán lẻ khác phù hợp theo quy định.	chưa đạt		Phòng Kinh tế

		thôn.		Đối với xã không có hoặc chưa có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch hoặc đã có quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa đầu tư xây dựng thì xem xét, đánh giá không đạt về Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.			
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất.	Đạt	1. Đến năm 2030, 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. 2. Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ	Đạt		Phòng Văn hóa - Xã hội
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người.	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	$\geq 9,5\%$	chưa đạt		Phòng Kinh tế
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.	Đạt	(1) Có ≥ 01 vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng hoặc vật nuôi chủ lực của xã; (2) Có diện tích hoặc sản lượng vùng nguyên liệu được chứng nhận hợp lệ (VietGAP, hữu cơ, HACCP, ISO 22000, chứng nhận sản phẩm an toàn, chứng chỉ quản lý rừng bền vững,...) đạt tỷ lệ theo quy định đối với từng lĩnh vực sản xuất thuộc nhóm xã tại văn bản hướng dẫn; (3) Có liên kết chế biến và tiêu thụ ổn định theo chuỗi giá trị, được xác minh bằng hợp đồng, thỏa thuận hoặc biên bản ghi nhớ đã thực hiện trên thực tế; (4) Có hồ sơ quản lý vùng nguyên liệu do UBND xã lưu giữ.	chưa đạt		Phòng Kinh tế
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	≥ 01 mô hình	≥ 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả; Hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	chưa đạt		Phòng Kinh tế
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương.	Đạt	1. Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030 và có kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP hằng năm; 2. Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn; 3. Tỷ lệ chủ thể là các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.	chưa đạt		Phòng Kinh tế
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương.	Đạt	1. 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP; 2. Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).	chưa đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế

3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả.	Đạt	Có ≥01 hợp tác xã đạt các yêu cầu sau: a) Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành; b) Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của hợp tác xã trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; c) Có tối thiểu 01 loại sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên chính thức phù hợp với từng loại hình hợp tác xã; d) Có quy mô thành viên đủ lớn theo quy định; số lượng thành viên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng tối thiểu 5%/năm (hoặc 10 thành viên/năm).	chưa đạt		Phòng Kinh tế
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.	≥01	≥ 01	Chưa đạt		TT Dịch vụ Công ích
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định.	≥40%	≥40%	chưa đạt		Hội Nông dân xã
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương.	Đạt	Đáp ứng các yêu cầu sau: a) Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn; hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; b) Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10%/năm trở lên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; c) Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 5% trở lên so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.	chưa đạt		Phòng Kinh tế
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01	Có ≥01 khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật.	chưa đạt		Phòng Kinh tế
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ.	≥27%	≥27%	đạt	Đạt	Phòng Văn hóa - Xã hội
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông.	Đạt	≥40%	đạt		Phòng Văn hóa - Xã hội
		5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa.	Đạt	Đảm bảo đạt các yêu cầu: (1) Về cơ sở vật chất văn hóa; (2) Về hoạt động văn hóa cơ sở; (3) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; (4) Về di sản văn hóa; (5) Về chuyển đổi số, dữ liệu số; (6) Về nhân lực quản lý văn hóa.	Chưa đạt		Phòng Văn hóa - Xã hội

5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục.	Đạt	(1) Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia đạt 70%. (2) Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. (3) Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi. (4) Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở: Đạt. (5) Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt 80%. (6) Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 80%. (7) Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số. (8) Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Chưa đạt	Chưa đạt	Phòng Văn hóa - Xã hội
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt	Đạt	Đạt		Phòng Văn hóa - Xã hội; Trạm Y
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt		Phòng Văn hóa - Xã hội; Trạm Y tế
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều.	≤2%	≤13%	Đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố.	≥75%	≥75%	Đạt		Phòng Kinh tế
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	Đạt	≥40% (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có))	Chưa đạt		Phòng Kinh tế
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an[2]”	Đạt	1. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không”: Không nghèo ≥ 87%; Không bạo lực ≥80%; Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội ≥75%; Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học ≥ 75%; Không lãng phí ≥ 75%. 2. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “3 sạch”: Sạch nhà gồm được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥40%, có nhà tiêu hợp vệ sinh ≥70%, thực hiện phân loại rác tại nguồn ≥80%; Sạch bếp ≥ 80%; Sạch ngõ ≥ 80%. 3. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “3 an”: An toàn ≥70%; An tâm ≥75%; An sinh ≥70%.	Đạt		Hội liên hiệp Phụ nữ xã
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.	Đạt	1. Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 25% trở lên. 2. Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực...) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia. 3. Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ. 4. Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp. 5. Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.	Đạt		Phòng Văn hóa - Xã hội
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có).	Đạt	Đạt	Đạt		Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế

	hội	6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm.	Đạt	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	Đạt		Phòng Kinh tế
7	Khoa học công nghệ và Chuyên đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn.	Đạt	Xã có điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn là xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng có khả năng hỗ trợ phục vụ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng được các điều kiện sau: 1. Về cơ sở vật chất: a) Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Có treo biển tên điểm phục vụ. Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ. b) Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 04 giờ/ngày làm việc, trừ ngày lễ, tết. c) Về thiết bị tại điểm bưu chính hỗ trợ phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến: - Có ít nhất một trong các thiết bị: Máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy tính bảng hoặc thiết bị đầu cuối có tính năng tương đương; có kết nối máy quét hoặc thiết bị đầu cuối có tính năng tương đương để quét hồ sơ, tài liệu; được kết nối Internet băng rộng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu. - Yêu cầu kỹ thuật đối với máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, máy quét, thiết bị đầu cuối phải đáp ứng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu của máy tính và một số thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số. - Thiết bị đầu cuối hỗ trợ người dân, doanh nghiệp có khả năng thực hiện được các chức năng, tính năng cơ bản của Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. 2. Về dịch vụ bưu chính: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ: - Dịch vụ thư cơ bản có địa chỉ nhân, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg.	đạt	Đạt	Phòng Văn hóa - Xã hội
7	Khoa học công nghệ và Chuyên đổi số	7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường.	Đạt	1. Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 70\%$. 2. Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. 3. Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%. 4. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$. 5. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$.	Chưa đạt		TT Phục vụ Hành chính công
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử.	Đạt	Không quy định.	Đạt		Phòng Kinh tế
		7.4. Có mô hình thôn thông minh.	≥ 01 mô hình	Không quy định.	Đạt		Phòng Văn hóa - Xã hội

8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh.	Đạt	Đạt	chưa đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón.	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	Chưa đạt		Phòng Kinh tế
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ[3], làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	100%	100%	Đạt		Phòng Kinh tế
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.	Đạt	1. Xã phải có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. 2. Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$. Biện pháp phù hợp: Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên	Chưa đạt		Phòng Kinh tế
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn.	Đạt	Đạt	Chưa đạt		Phòng Kinh tế
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Phòng Văn hóa - Xã hội
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $> 90\%$.	Đạt	Đạt	Đạt		Trung tâm phục vụ Hành chính công
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Văn phòng HĐND và UBND
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động.	Đạt	Đạt	Đạt		Công an xã
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã.	Đạt	≥ 01 hệ thống	Chưa đạt		Công an xã

	10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự xã
--	--	-----	-----	-----	-----------------------

ĐĂNG KÝ MỤC TIÊU GIẢM TỶ LỆ NGHÈO ĐA CHIỀU NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số: 215/KH-UBND ngày 23/7/2026 của UBND xã Thụy Hùng)

TT	Khu vực/Địa bàn	Tổng số hộ	Kết quả năm 2025		Mục tiêu năm 2026 (giảm)		Dự kiến tỷ lệ nghèo đa chiều cuối năm 2026		Ghi chú
		dân cư (tại	Tỷ lệ nghèo đa chiều						
		Số hộ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=2/I*100</i>	<i>4</i>	<i>5=3-7</i>	<i>6=2-4</i>	<i>7=6/I*100</i>	<i>8</i>
1	Đâng Van	237	20	8,4	3	1,3	17	7,2	
2	Pác Cú	98	12	12,2	2	2,0	10	10,2	
3	Hành Thanh	81	8	9,9	2	2,5	6	7,4	
4	Thanh Long	140	8	5,7	1	0,7	7	5,0	
5	Nà Phân	155	15	9,7	2	1,3	13	8,4	
6	Đoàn Kết	117	28	23,9	5	4,3	23	19,7	
7	Khuổi Thâm	128	30	23,4	6	4,7	24	18,8	
8	Na Hình	175	35	20,0	8	4,6	27	15,4	
9	Pá Tắp	113	5	4,4	2	1,8	3	2,7	
10	Trùng Khánh	162	8	4,9	1	0,6	7	4,3	
11	Bản Mạnh	101	5	5,0	1	1,0	4	4,0	
12	Nà Tông	89	5	5,6	1	1,1	4	4,5	
	Tổng	1.596	179	11,2	34	2,1	145	9,1	